TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/DS-ST
Ngày: 24-10-2017
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé;

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần.

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 413/2017/TLST-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2017, về "Tranh chấp quyền sử dụng đất"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2017/QĐST- DS, ngày 14 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh T.

Bị đơn: Bà Thạch Thị Đ, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thạch Thị Đ: Ông Lê Văn Vinh, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Thế Q, sinh năm 1959 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1962 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh T.

3. Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1953 (Có mặt)

4. Anh Trần Hoàng V sinh năm 1986

5. Anh Trần Quốc T sinh năm 1987

6. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962 (có mặt)

7. Bà Thạch Thị M, sinh năm 1976

8. Ông Thạch Văn Hết, sinh năm 1983

9. Anh Thạch Th, sinh năm 1993;

10. Chị Thạch Thị Ph, sinh năm 1971;

11. Chị Thạch Thị H, sinh năm 1982;

12. Anh Kim N, sinh năm 1993;

13. Chị Kim Thị Lan, sinh năm 1993;

14. Chị Thạch Thị Ng, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp tho ủy quyền cho anh Trần Hoàng V, Trần Quốc T là ông Trần Văn M sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh T (văn bản ủy quyền ngày 08/7/2017).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho anh Thạch Th, bà Thạch Thị M, anh Thạch Văn H, chị Kim Thị L, chị Thạch Thị Ng, anh Kim N, chị Thạch Thị H,

chị Thạch Thị Ph là bà Thạch Thị Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh T (văn bản ủy quyền ngày 30/9/2017 và 23/10/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn ông Trần Văn M trình bày như sau:

Ông có canh tác diện tích đất 2.350m^2, thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 8, đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh T.

Ông Võ Thế Q có canh tác diện tích đất 2.350m^2, thuộc thửa 92, đất trồng lúa, diện tích đất này nằm cạnh nhà của ông nên bị gà vịt của ông nuôi qua phá.

Đến năm 1990, ông và ông Q thống nhất trao đổi diện tích đất nêu trên với nhau, không lập giấy tờ gì cả. Sau đó, ông Q canh tác diện tích đất của ông 2.350m^2, thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 8, đất trồng lúa còn ông thì canh tác đất của ông Quân.

Năm 2007, bà Trần T và ông Q xảy ra tranh chấp với nhau diện tích đất mà ông Q đã đổi với ông. Vụ việc này đã được Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần giải quyết buộc ông Q giao trả diện tích đất 2.350m^2, thuộc thửa 92, đất trồng lúa cho bà Trần T.

Sau đó, ông Q và ông thống nhất là ông Q đồng ý giao lại cho ông diện tích đất 2.350m^2, thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 8, loại đất trồng lúa để ông canh tác. Khi ông tiếp tục canh tác diện tích đất này thì mẹ ruột của bà Đến là Thạch Thị S đã cất nhà ở trên diện tích đất 2.350m^2, thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 8, đất trồng lúa của ông. Ông đã nhiều lần yêu cầu bà Sên tháo dỡ nhà trả lại diện tích cho ông, nhưng bà S không đồng ý.

Ngày 16/6/2008, ông có làm đơn khởi kiện yêu cầu bà S tháo dỡ nhà trả lại đất cho ông. Trong quá trình giải quyết, ông bị bệnh phải nhập viện điều trị lâu dài, thiết nghĩ việc hòa giải sẽ gặp khó khăn nên ông xin rút đơn yêu cầu giải quyết. Sau khi ông xuất viện về nhà thì bà S đã chết để lại phần đất cho con là bà Đến tiếp tục sử dụng. Vào ngày 13/10/2010, ông làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết tranh chấp đất giữa ông với bà Đ, qua xác minh biết được diện tích đất

nền nhà bà Đ cất trên đất của ông là 235,1m^2 nằm trong diện tích chung 2.350m^2, thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 8, đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh T.

Việc bà Ng và bà S có đổi đất với nhau hay không thì ông không biết vì khi bà Nga cho đất vợ chồng ông thì trên đất là đất trống, không có ai cất nhà ở.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thạch Thị Đ cùng các thành viên trong hộ bà Đ trả lại cho ông giá trị diện tích đất 235,1m^2 (thực đo theo biên bản thẩm định của Tòa án ngày 28/9/2011 bằng 227,6m^2) nằm trong diện tích chung 2.350m^2, thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 8, đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh T theo giá của Hội đồng định giá ngày 28/9/2011 (40.000 đồng /1m^2) và tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/9/2017 ông Đ thống nhất số tiền bồi thường bằng 9.104.000 đồng, không yêu cầu Tòa án định lại giá tài sản.

Còn phần đường nước có chiều ngang 01m dài 8m để dẫn nước vào ruộng của ông đang canh tác, ông không có tranh chấp.

Ông không chấp nhận yêu cầu phản tố của phía bị đơn bà Thạch Thị Đ là yêu cầu Tòa án công nhận toàn bộ diện tích thực đo 227,6m^2 và nhà ở gắn liền trên đất cùng cây trái nằm trong diện tích chung 2.350m^2, thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 8, đất trồng lúa, là thuộc quyền sử dụng của Thạch Thị Đ.

- Ý kiến bị đơn bà Thạch Thị Đ trình bày:

Bà là con ruột của bà Thạch Thị S (chết năm 2008). Nguồn gốc diện tích đất thực đo 227,6m^2 nằm một phần trong diện tích chung 2.350m^2, thuộc thửa đất số 16 tờ bản đồ số 08 là do mẹ bà là bà Thạch Thị S đổi với bà Trần Thị Ng (bà Ng là chị ruột của ông M) và ông Trần Ngọc S chồng bà Ng vào năm 1983, việc đổi đất giữa mẹ bà với bà Ng, ông S có làm giấy tay đổi đất loại tầm đất (mỗi tầm là 2,75m) chiều dài cho đến hết thửa đất. Đến năm 1984 mẹ bà cất nhà ở trên đất này ổn định và lâu dài đến năm 2004 Nhà nước có cho mẹ bà một căn nhà tình thương vì nhà mẹ bà thuộc diện hộ nghèo. Do mẹ bà là người dân tộc không biết chữ nên việc đổi đất này không có làm thủ tục sang tên. Vào năm 1991, ông Trần Văn M đã kê khai toàn bộ phần đất đã đổi của mẹ bà với bà Ng, ông S để ông M đứng tên

trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (vì ngoài phần đất đổi với mẹ bà, phần đất còn lại thì bà Ng, ông S cho ông M sử dụng).

Từ lúc mẹ bà đổi đất với bà Ng, ông S thì mẹ bà tiến hành cất nhà ở mà ông M không ngăn cản hay tranh chấp gì. Đến năm 2010 thì ông M phát sinh tranh chấp với bà, vì mẹ bà đã chết.

Nay, bà không chấp nhận yêu cầu của ông M là yêu cầu bà và các thành viên trong hộ của bà trả lại cho ông Trần Văn M giá trị diện tích đất thực đo theo biên bản thẩm định của Tòa án ngày 28/9/2011 bằng 227,6m^2 nằm trong diện tích chung 2.350m^2, thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 8, đất trồng lúa.

Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/9/2017 bà thống nhất giá của Hội đồng định giá ngày 28/9/2011 (40.000 đồng/1m^2), không yêu cầu Tòa án định lại giá tài sản tranh chấp.

Ngày 21 tháng 4 năm 2016, bà Đ có đơn phản tố yêu cầu Tòa án công nhận toàn bộ diện tích thực đo 227,6m^2 và nhà ở gắn liền trên đất cùng cây trái nằm trong diện tích chung 2.350m^2, thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 8, đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh T là thuộc quyền sử dụng của bà.

- Ý kiến bà Trần Thị Ng trình bày:

Ông Trần Văn M là em ruột của bà, còn bà Thạch Thị Đ và bà không có bà con gì cả chỉ là hàng xóm với nhau.

Nguồn gốc diện tích đất 2.350m^2, thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 8, đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh T là của bà. Vào năm 1983, bà có đổi cho bà Thạch Thị S chiều ngang 03 (ba) tầm đất mỗi tầm là 2,75m chiều dài cho đến hết thửa đất, nằm trong tổng diện tích đất 2.350m^2. Việc bà đổi đất với bà S có làm giấy tay nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương, trong giấy chuyển đổi đất ngày 10/3/1983 có sửa năm nhưng bà không biết là do ai sửa. Sau khi bà đổi đất cho bà S, số diện tích đất còn lại bà cho em ruột của bà là Trần Văn M 2.000m^2, cho vào năm 1984, do thấy hoàn cảnh em bà nghèo khó nên bà mới cho, khi cho đất bà không có làm giấy tờ gì cả, không có ai chứng kiến và cũng không làm thủ tục sang tên tách thửa.

Vì trước khi cho đất em bà là Trần Văn M thì bà đã đổi cho bà Thạch Thị S, bà vẫn giữ nguyên theo ý kiến của bà là việc đổi đất giữa bà với bà S là có thật. Bà không có yêu cầu và tranh chấp gì trong vụ án này.

Bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà là vợ ông Trần Văn M. Bà thống nhất theo ý kiến trình bày của chồng bà trong vụ án này và bà không có ý kiến gì bổ sung thêm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thạch Thị Đ: Vào năm 1983, bà Trần Thị Ng và Thạch Thị S đổi phần đất diện tích 227,6m^2 là có thật. Gia đình bà S có cất nhà và ở liên tục sử dụng cho đến nay. Năm 2004, nhà nước cất cho bà S căn nhà tình thương trên phần đất đổi với bà Ng, nhưng ông M không tranh chấp gì. Do đó, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông M, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đ, công nhận cho bà Đ tiếp tục sử dụng phần đất có diện tích 227,6m^2 thuộc một phần thửa 16, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh T.

Ý kiến của kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Ông M khởi kiện yêu cầu bà Đ trả lại giá trị phần đất có diện tích 227,6m^2 với số tiền 9.104.000 đồng là không có căn cứ vì: Phần đất này bà Ng và bà S đã đổi với nhau vào năm 1983 là có thật. Gia đình S sử dụng liên tục đến năm 2004, nhà nước cất cho bà S căn nhà tình thương trên phần đất này, nhưng ông M cũng không tranh chấp. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông M về việc yêu cầu bà Đ trả lại giá trị đất cho ông là 9.104.000 đồng. Công nhận cho bà M sử dụng diện tích đất có diện tích 227,6m^2 thuộc một phần thửa 16, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.350m^2, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn M và bà Thạch Thị Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về nội dung:

Ông Trần Văn M khởi kiện đòi lại phần đất hộ bà Thạch Thị Đ đang sử dụng diện tích đất 235,1m^2 (thực đo theo biên bản thẩm định của Tòa án ngày 28/9/2011 bằng 227,6m^2) nằm trong diện tích chung 2.350m^2, thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 8, đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh T là không có cơ sở, bởi lẽ: Diện tích đất 227,6m^2 có nguồn gốc là của Trần Thị Ng chị ruột của ông Trần Văn M. Năm 1983 bà Ng đổi diện tích đất này cho bà S mẹ bà Đ để làm nhà ở (có giấy tay đổi đất giữa bà Ng với bà S). Đến năm 1984 bà S cất nhà ở trên đất này. Năm 2004 Nhà nước có xét cất cho bà S một căn nhà tình thương tại phần đất tranh chấp này vì bà thuộc diện hộ nghèo. Năm 1991 ông Trần Văn Mới đã kê khai toàn bộ phần đất bà Ng bà cho ông M sử dụng trong đó có phần của bà S đã đổi với bà Ng. Xét thấy từ lúc bà S đổi đất với bà Ng bà S cất nhà ở ông M không ngăn cản hay tranh chấp gì, đến năm 2010 thì ông M phát sinh tranh chấp với bà Đ vì lúc này bà S đã chết.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ ông Trần Văn M chứng minh diện tích đất tranh chấp hiện bà Đ đang quản lý thuộc quyền sử dụng của ông nằm trong diện tích chung 2.350m^2, thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 8, đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh T đã được nhà nước cấp chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên, ông yêu cầu bà Đ trả lại giá trị đất cho ông là 9.104.000 đồng.

Phía bà Đ chứng minh được giấy tay đổi đất giữa bà S với bà Trần Thị Ng chị ông M vào năm 1983, đồng thời qua xác minh các nhân chứng có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà hôm nay bà Trần Thị Ng thừa nhận trước đây vào năm 1983, bà có đổi phần đất này cho bà S sử dụng phần còn lại bà cho em bà là ông Trần Văn M. Đến khi ông M kê khai đất đã kê khai bao trùm phần đất của bà Đ đang sử dụng, nên xãy ra tranh chấp. Hơn nữa phần đất này bà S trực tiếp sử dụng từ năm 1983 đến năm 2009 bà Sên chết, bà Đến tiếp tục sử dụng có xây dựng nhà có khuôn viên rõ ràng và trồng cây ăn trái. ông Mới là người ở cùng địa phương với

bà Đ nhưng ông M không có ý kiến tranh chấp gì và khi Uỷ ban nhân dân xã Tập Ngãi xét cấp nhà tình thương cho bà S thì lúc này ông vẫn biết. Từ cơ sở trên đây Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M đòi bà Thạch Thị Đ trả lại diện tích thực đo theo biên bản thẩm định của Tòa án ngày 28/9/2011 bằng 227,6m^2 là có cơ sở.

Đối với bà Thạch Thị Đ có yêu cầu phản tố được tiếp tục sử dụng diện tích đất này, xét yêu cầu bà Thạch Thị Đ là có căn cứ Hội xét xử chấp nhận.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng phần diện tích 227,6m^2 nằm một phần trong diện tích 2.350m^2, thửa số 16, tờ bản đồ số 8 do ông Trần văn Mới được cấp giấy chứng nhận là có việc bà Ng và S có đổi đất với nhau là có thật. Nhưng do bà Ng và bà S không tiến hành làm thủ tục đổi đất theo quy định của pháp luật, nên Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần cấp diện tích đất theo sự kê khai của ông M, trong đó có 227,6m^2 bà S đối với bà Ng năm 1983. Do Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần cấp đất không sai, nên không cần hủy giấy chứng nhận cấp cho ông M mà chỉ đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Văn M, cấp lại cho bà Thạch Thị Đ theo phần quyết định của bản án này.

Chấp nhận ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thạch Thị Đ tại phiên Tòa sơ thẩm.

Về án phí, chi phí thẩm định, định giá: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, 147, 157, 165, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 500 của Bộ Luật dân sự

Áp dụng điều 64, 203, 167 Luật đất đai năm 2013

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M về việc yêu cầu bà Thạch Thị Đ trả lại giá trị quyền sử dụng đất diện tích 235,1m^2 (thực đo theo biên bản thẩm định của Tòa án ngày 28/9/2011 bằng 227,6m^2) mà bà Đến đã sử dụng trên thửa số 16 tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại Đ, xã T, huyện T, tỉnh T.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Thạch Thị Đ: Công nhận cho bà Thạch Thị Đ được tiếp tục sử dụng diện tích thực đo theo biên bản thẩm định của Tòa án ngày 28/9/2011 là 227,6m^2, thửa số 16, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh T.

Phần đất tranh chấp có tứ cận như sau:

- Hướng Tây giáp bờ kênh kích thước 28,2m,

- Hướng Đông giáp phần còn lại thửa số 16 kích thước 26,3m

- Hướng bắc giáp thửa 15 kích thước 9,1m,

- Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 16 kích thước 8m

Đề nghị Ủy ban nhân huyện Tiểu Cần điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 16 tờ bản đồ số 8, diện tích 2.350m^2 tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh T đã cấp cho ông Trần Văn Mới đối với phần diện tích bà Thạch Thị Đ được hưởng 227,6m^2 như phần quyết định của bản án này (có sơ đồ đo đất ngày 28 tháng 9 năm 2011 kèm theo bản án này)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Thạch Thị Đ có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với diện tích mà bà được Tòa án công nhận.

Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Trần Văn M phải chịu 3.000.000 đồng do ông M nộp tạm ứng trước nên xem như ông M đã nộp xong chi phí thẩm định, định giá.

Về án phí: Ông Trần Văn M phải chịu 455.200đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ theo biên lai thu tiền số 0001238 ngày 22 tháng 6 năm 2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Số còn lại ông Trần Văn M phải nộp là 255.200 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Tiểu Cần ;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Long